

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HC-ST

Ngày: 15/6/2022

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành
chính trong quản lý Nhà nước
về đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đinh Công Khanh

2/ Ông Tôn Thọ Nuôi

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Cao Thái Thành – Thư ký Tòa án tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử trực tuyến sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 04/2022/TLST-HC ngày 17/01/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HC ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông B, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp Gò Tranh, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện H, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2022).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D – Phó chủ tịch UBND thị xã K, tỉnh Long An. (Theo văn bản ủy quyền số 1745/UBND-TNMT ngày 15/6/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông G – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã K. (Theo văn bản cử người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 1746/UBND-TNMT ngày 15/6/2022)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K – Phó Chủ tịch UBND xã T (Theo văn bản ủy quyền số 40/UBND ngày 14/6/2022).

(Tất cả các đương sự đều có mặt; riêng ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện - B do ông Đ đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Năm 1989, gia đình ông B có khai vỡ phần đất tại thửa số 462, tờ bản đồ số 4, với diện tích 5.097m², không ai tranh chấp. Ông B đã làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã T ban hành Công văn số 13 ngày 18/5/2018 cho rằng đất của ông B sử dụng là đất công. Nay ông B mới biết được thửa đất ông B đang sử dụng đã được UBND thị xã K ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 giao thửa đất của ông B giao cho UBND xã T làm quỹ đất công và Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là thị xã K) về việc thu hồi đất của ông B. Ông B khiếu nại được UBND thị xã K ban hành Văn bản trả lời số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 trả lời khiếu nại của ông B cho rằng thửa đất 462 của ông B là đất công. Do đó, nay ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã T và Công văn số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 của UBND thị xã K; hủy Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là thị xã K) về việc thu hồi đất của ông B; buộc UBND thị xã K và UBND xã T phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B thửa đất tại thửa số 462, tờ bản đồ số 4, với diện tích 5.097m², tọa lạc xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

*** Ông G - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã K trình bày:**

Phần đất mà ông B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là giấy CN) nằm trong phần đất mà trước năm 1986 là đất của Hợp tác xã B Minh; năm 1986 Hợp tác xã B Minh giao khoán lại cho các xã viên sản xuất (khoảng 33 hộ), trong đó có ông Trần Văn Huỳnh là cha của ông B được giao khoán thửa 462, diện tích 5.097m²; đến năm 1990, UBND tỉnh có chủ trương cấp giấy (giấy trắng) thì 33 hộ đăng ký nhưng không được chấp thuận vì đây là quỹ đất xã nên các hộ không đăng ký nữa mà thực hiện hợp đồng thuê đất với UBND xã. Đầu năm 1997, ông B đi đăng ký thửa đất có nguồn gốc do khai hoang gồm thửa 432, 434, 388 nhưng lại đăng ký luôn thửa 462 nêu trên. Tại thời điểm này, do cấp đại trà nhiều giấy CN nên UBND xã đã sơ xuất không phát hiện ra thửa 462 là đất công ích của xã do ông Huỳnh thuê trước đó; ngày 14/10/1997, ông B được UBND huyện H cấp giấy CN các thửa đất nêu trên với tổng diện tích 32.657m², loại đất lúa.

Qua thanh tra việc quản lý đất trên địa bàn xã T thì đã xác định việc cấp giấy CN cho ông Huỳnh là sai. Ngày 28/11/2011, UBND xã có buổi làm việc với ông B về việc thu hồi thửa đất 462, qua đó, ông B đồng ý giao lại đất cho UBND xã quản lý và xin thuê lại đất này.

Ngày 09/4/2012, UBND xã có Tờ trình số 16/TTr-UBND kiến nghị UBND huyện H thu hồi thửa đất 462 trong giấy CN của ông B. Ngày 11/6/2012, UBND huyện H ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND thu hồi thửa 462, diện tích 5.097m² trong giấy CN của ông B với lý do: Cấp nhầm quỹ đất xã cho ông B.

Ngày 04/12/2020, ông B có đơn đề nghị cấp giấy CN phần đất có diện tích khoảng 6.000m² tại ấp Cái Đồi Tây cho ông. Sau khi kiểm tra, xác minh, UBND thị xã nhận thấy phần đất mà ông B đề nghị cấp giấy nêu trên là phần đất thuộc thửa 462 mà UBND huyện H đã thu hồi trước đây. Do đó, ngày 24/02/2021, UBND thị xã có Công văn số 520/UBND-TNMT không thống nhất đề nghị của ông B với lý do: Đất công ích do xã quản lý, đã có Quyết định thu hồi của UBND huyện H trước đây.

Vì vậy, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thị xã K đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân xã T do ông K đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ủy ban nhân dân xã T xác định phần đất ông B xin đăng ký kê khai đã bị UBND huyện H (nay là UBND thị xã K thu hồi. Do đó, việc ông B cho rằng ông B đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện người khởi kiện do ông Đ đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện xác định: Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì đất ông B quản lý sử dụng là đất công ích được UBND xã quản lý cho hộ gia đình, cá nhân thuê để sản xuất nông nghiệp nên ông B không đủ điều kiện được cấp giấy.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An xác định:

Trong quá trình thụ lý, xét xử, Tòa án làm đúng thủ tục theo quy định Luật Tổ tụng hành chính. Tại phiên tòa, xác định đúng người tham gia tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong tranh tụng được đảm bảo đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung vụ án, phần đất thửa 462, diện tích khoảng 5.097m² ông B đang quản lý sử dụng và đăng ký kê khai. Tuy nhiên, thửa đất của ông B đã bị UBND huyện H (nay là UBND thị xã K) đã có quyết định thu hồi đất, điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B từ trước khi ông B xin cấp giấy. Hơn nữa, sau khi bị thu hồi đất và điều chỉnh giấy thì ông B đã ký hợp đồng thuê đất đối với UBND xã T. Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là UBND thị xã K) ông B là đối tượng được nhận nên đến ngày 30/11/2021, ông B mới khởi kiện là đã hết thời hiệu 01 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính nên đề nghị Hội

đồng xét xử đình chỉ yêu cầu hủy quyết định này theo quy định tại Điều 143. Về hành vi hành chính của UBND thị xã K không xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B là hoàn toàn có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu xem xét quyết định hành chính và hành vi hành chính của UBND thị xã K không thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai của cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30. Căn cứ khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[2] Do người bị kiện vắng mặt suốt quá trình tố tụng và người khởi kiện không yêu cầu tổ chức đối thoại nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được theo quy định tại Điều 135 Luật Tổ tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ông B đăng ký kê khai thửa 462 nhưng UBND xã T xác định là quỹ đất công, ông B khiếu nại nên UBND thị xã K ban hành Công văn số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 trả lời đơn ông B. Do không đồng ý nên ông B khởi kiện. Ngoài ra, Trong các văn bản trả lời của UBND thị xã K có viện dẫn Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của UBND thị xã K, ông B không phải là đối tượng được nhận quyết định Quyết định 2328/QĐ-UBND nhưng quyết định này có nội dung giao UBND xã T quản lý thửa đất của ông B (kèm theo danh sách) nên UBND thị xã K trả lời ông B bằng văn bản số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 thì ông B mới biết và khởi kiện là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là UBND thị xã K) ông B là đối tượng được nhận nên đến ngày 30/11/2021, ông B mới khởi kiện là đã hết thời hiệu 01 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính nên cần được đình chỉ theo quy định tại Điều 143 và Điều 165 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về thẩm quyền thực hiện hành vi hành chính và ban hành quyết định hành chính:

Ông B đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND xã T và UBND thị xã K thụ lý giải quyết và trả lời là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 22, Điều 101 và Điều 105 Luật Đất đai. UBND thị

xã K là cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai địa phương được ban hành quyết định giao đất theo quy định tại khoản 2 Điều 59 và ban hành phê duyệt đất công ích theo quy định tại khoản 4 Điều 132 Luật Đất đai.

[5] Về nội dung các quyết định hành chính, xét thấy:

Ông B đã bị UBND huyện H (nay là UBND thị xã K) ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 thu hồi đất của ông B. Tuy nhiên, ông B không khiếu nại và đã hết thời hiệu khiếu nại xem như ông B đã chấp nhận quyết định hành chính của UBND huyện H (nay là UBND thị xã K). Hơn nữa, sau khi nhận quyết định thì chính ông B đã nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý biên động trên giấy của ông B vào ngày 11/6/2012. Do đó, UBND thị xã K ban hành Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 giao thửa đất của ông B giao cho UBND xã T làm quỹ đất công là hoàn toàn đúng căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai.

[6] Về việc thực hiện hành vi hành chính, xét thấy:

Sau khi bị thu hồi và điều chỉnh biên động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B mới ký hợp đồng thuê đất đối với UBND xã T để được tiếp tục canh tác. Do đó, việc ông B đăng ký kê khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã bị thu hồi là không có căn cứ xem xét chấp nhận. Hơn nữa, đất của ông B đã được giao UBND xã T làm quỹ đất công thì ông B không đủ điều kiện cấp theo khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Do đó, UBND xã T không xác nhận tình trạng đất cho ông B và ban hành văn bản số văn số 13 ngày 18/5/2018 trả lời ông B là hoàn toàn có căn cứ và UBND thị xã K ban hành Công văn số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 trả lời đơn ông B nội dung không chấp nhận đơn ông B là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật như đã phân tích ở mục [5] và [6].

[7] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thể hiện thửa đất 462 ông B sử dụng đã được ông B đang trồng lúa nhưng việc sử dụng này là do ông B thuê đất của UBND xã T nên cũng không đủ điều kiện theo quy định tại Điều 100 và 101 Luật Đất đai để xem xét cho ông B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 462. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông B cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông B cho rằng ông B sử dụng đất từ khi Hợp tác xã B Minh giải thể đến nay là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Vì vậy, Hội đồng xét xử cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là UBND thị xã K) do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 165 Luật Tố tụng hành chính.

Bác yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính của ông B đối với UBND xã T và UBND thị xã K. Bác yêu cầu hủy quyết định hành chính của ông B đối với UBND xã T và UBND thị xã K.

Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã K về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T quản lý đối với thửa 462, từ

bản đồ số 01, diện tích 5.097m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An ban hành là đúng quy định pháp luật.

Văn bản số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 của UBND thị xã K về việc trả lời ông B ban hành đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với Công văn số 13 ngày 18/5/2018 của UBND xã T thì ông không khởi kiện nhưng là quyết định hành chính liên quan nên được xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Xét thấy, ông B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện theo quy định pháp luật nên UBND xã T ban hành văn bản trả lời cho ông B là đúng pháp luật.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.200.000 đồng, ông B phải chịu và ông B đã nộp xong.

[10] Về án phí: Ông B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai số 0000155 ngày 13/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông B đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 143 và Điều 165 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 53 Điều 60 Luật Đất đai năm 2013

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông B đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/6/2012 của UBND huyện H (nay là UBND thị xã K).

Bác yêu cầu khởi kiện của ông B về việc khởi kiện hành vi hành chính Ủy ban nhân dân thị xã K.

Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã K về việc tạm giao quỹ đất công cho UBND xã T quản lý đối với thửa 462, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.097m² đất nông nghiệp tọa lạc tại xã T, thị xã K, tỉnh Long An ban hành là đúng quy định pháp luật.

Văn bản số 520/UBND-TNMT ngày 24/02/2021 của UBND thị xã K về việc trả lời ông B ban hành đúng quy định pháp luật.

Văn bản số 13 ngày 18/5/2018 của UBND xã T v/v trả lời đơn của ông B ban hành đúng quy định pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 1.200.000 đồng, ông B phải chịu và ông B đã nộp xong.

Về án phí: Ông B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo biên lai số 0000155 ngày 13/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An, ông B đã nộp xong án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án hành chính được thi hành theo các Điều 309, Điều 310 và Điều 312 Luật tổ tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Khánh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Công Khanh- Nguyễn Thanh Nhật

Trần Quốc Khánh